

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày 26 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Ông Kim Niệm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2023/TLST-DS ngày 23/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 14/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1994; Địa chỉ: **Tổ B, khu phố A, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.** Có mặt

- **Bị đơn:** Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Tổ F, ấp B, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.** Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người làm chứng:** Ông **Nguyễn Đức Đ**, sinh năm 1994; địa chỉ: **Số C, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.** Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Ngày 31/5/2022, ông và bà **Hồ Thị T** ký hợp đồng hợp tác đầu tư, thời hạn đầu tư từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/12/2022, ông giao cho bà **T** 300.000.000 đồng. Giữa ông và bà **T** không thỏa thuận cụ thể đầu tư như thế nào, bà **T** chỉ cam kết sẽ đầu tư đất, lợi nhuận sẽ được chia theo phần trăm của vốn góp. Đến ngày 31/12/2022, ông chưa nhận được số tiền đầu tư nên ngày 12/01/2023, ông và bà **T** thỏa thuận xác nhận đến ngày 15/02/2023, bà **T** sẽ hoàn trả số tiền đầu tư 300.000.000 đồng cho ông. Tuy nhiên, đến nay bà **T** vẫn chưa thanh toán cho ông số tiền ông đã đầu tư nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Hồ Thị T** thanh toán 300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn bà **Hồ Thị T** có đơn xin vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bà **T** có ý kiến: Ngày 31/5/2022, bà và ông **Nguyễn Thanh P** ký hợp đồng hợp tác đầu tư, bà có nhận của ông **P** là 300.000.000 đồng. Số tiền ông **P** hợp tác đầu tư được dùng để nhận chuyển nhượng thửa đất tại **huyện P, tỉnh Bình Phước** (không nhớ số tờ, số thửa), mục đích để khi nào có lời thì sẽ chuyển nhượng để được khoản lợi nhuận, hai bên sẽ chia lợi nhuận theo % vốn góp. Hiện nay, thửa đất giữa bà và ông **P** góp vốn nhận chuyển nhượng vẫn chưa chuyển nhượng được. Nay ông **P** yêu cầu bà thanh toán 300.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng khi nào bà chuyển nhượng được thửa đất thì sẽ trả lại tiền vốn góp 300.000.000 đồng cho ông **P**.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa nguyên đơn, bị đơn là có thật, bị đơn đã nhận của nguyên đơn 300.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng hợp tác với bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo. Hiện bị đơn có địa chỉ tại **xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương**. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng hợp tác được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà **Hồ Thị T** có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hình thức của hợp đồng hợp tác: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 31/5/2022, nguyên đơn, bị đơn ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, thời hạn đầu tư từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/12/2022, nguyên đơn giao cho bị đơn 300.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn 300.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn, bị đơn là phù hợp về hình thức quy định tại khoản 2 Điều 504 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ góp vốn nên đã phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

[4] Về nội dung giao kết hợp đồng: Theo nội dung của hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn, bị đơn thì thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/3/2022 đến ngày 31/12/2022. Tại thỏa thuận của phụ lục hợp đồng thì hai bên thống nhất ngày 15/12/2023, bên B (bà **T**) phải hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng cho bên A (ông **P**). Như vậy, hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn, bị đơn chấm dứt do hết thời hạn được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự.

[5] Bị đơn thỏa thuận ngày 15/12/2023, bị đơn sẽ hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đến hạn bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ các bên đã thỏa thuận. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thống nhất với nội dung của hợp đồng hợp tác, đồng ý thanh toán cho nguyên đơn 300.000.000 đồng nhưng không thống nhất về phương thức thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 300.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu lãi suất chậm thanh toán đối với bị đơn.

[6] Xét ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 468, 504, 508, 512 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh P** đối với bị đơn bà **Hồ Thị T** về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Buộc bị đơn bà **Hồ Thị T** phải thanh toán cho nguyên đơn ông **Nguyễn Thanh P** số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày người thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Hồ Thị T** phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông **Nguyễn Thanh P** số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005061 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mùi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Phương Dung Phạm Văn Trung

Nguyễn Thị Mùi